

Bản án số: **43/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/7/2023

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Lộc

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà:
Bà **Đặng Mỹ Phương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Võ Ngọc K**, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn ông Võ Ngọc K trình bày:

Năm 2014, tôi và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên tôi và bà H thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt không còn hạnh phúc. Cứ như thế tình cảm dần phai nhạt không còn tình cảm với nhau nữa nên tôi và bà H ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nếu có kéo dài cũng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.
- Về con chung: Quá trình chung sống tôi và bà H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Tôi xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2023 trình bày:

Tôi và ông Võ Ngọc K chung sống như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, đến tháng 7/2022 thì tôi phát hiện ông K có qua lại với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay ông K yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về công nợ chung: Tôi xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa ông K và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Đương sự xác nhận không có, đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Ông K và bà H tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xem xét

Về công nợ chung: Không có, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Ngọc K khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị H nên quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là “Xin ly hôn”.

Bị đơn có địa chỉ tại xã CD, thành phố PQ. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về nội dung vụ án: Năm 2014, ông Võ Ngọc K và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Cho đến nay thì vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân theo lời trình bày của bà H là do ông K có người phụ nữ khác, còn ông K thì cho rằng do bất đồng quan điểm sống. Nay ông K yêu cầu ly hôn thì bà H cũng đồng ý nhưng do hai người không có đăng ký kết hôn nên không có cơ sở để giải quyết cho ly hôn mà cần tuyên bố mối quan hệ giữa ông K và bà H không phải là vợ chồng như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về con chung: Ông K và bà H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản chung: Ông K thì cho rằng không có tài sản chung, còn bà H thì khẳng định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận với ông K. Tại phiên toà, ông K xác định ông và bà H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận với bà H, không có yêu cầu trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

Về công nợ chung: Ông K, bà H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên cũng miễn xét.

[4] Về án phí:

Ông K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Nhung không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 157, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Võ Ngọc K và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông K, bà H tự thỏa thuận nên không xem xét.

[4] Về công nợ chung: Ông K, bà H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông Võ Ngọc K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Ông K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006262 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, ông K đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS Tp. Phú Quốc;
- THA Tp. Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trang